

Court of Washington, County/City of _____
Tòa Án Washington, Quận/Thành Phố _____

State of Washington _____
Tiểu Bang Washington

Plaintiff
Nguyễn Đơn

vs.
kiện

Defendant (First, Middle, Last Name) _____
Bị Đơn (Tên, Tên Lót, Họ)

SID: _____
SID: _____

No. _____
Số _____

[] Pre-Trial [] Post-Conviction
Trước Khi Xét Xử [-] Sau Khi Kết Án

No-Contact Order
Lệnh Cấm Tiếp Xúc

(clj = NOCON, Superior cts = ORNC,
ORWPNP)

(clj = NOCON, Superior cts = ORNC,
ORWPNP)

Clerk's action required: Sec. 8, 9
Việc lục sự cần làm: Mục 8, 9

1. Protected Person's Identifiers:
Danh Tính Của Người Được Bảo Vệ:

Name (First, Middle, Last)
Tên (Tên, Tên Lót, Họ)

DOB Gender Race
Ngày Sinh Giới Tính Chủng Tộc

Defendant's Identifiers:
Danh Tính Của Bị Đơn:

Date of Birth Ngày Sinh	
Gender Giới Tính	Race Chủng Tộc

If a minor, use initials instead of name, provide other info, and complete a Law Enforcement and Confidential Information (form PO 003).

Nếu là một trẻ vị thành niên, hãy sử dụng tên viết tắt thay vì tên, cung cấp thông tin khác và hoàn tất mẫu đơn Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật và Thông Tin Mật (mẫu đơn PO 003).

2. Defendant:
Bị Đơn:

[] do not cause, attempt, or threaten to cause bodily injury to, assault, sexually assault, harass, stalk, or keep under surveillance the protected person.

không gây ra, cố gắng hoặc đe dọa gây tổn thương cơ thể, tấn công, tấn công tình dục, quấy rối, theo dõi hoặc giám sát người được bảo vệ.

do not contact the protected person directly, indirectly, in person, or through others, by phone, mail, or electronic means, except for mailing or service of process of court documents through a third party, or contact by the defendant's lawyers.

không tiếp xúc với người được bảo vệ một cách trực tiếp, gián tiếp, đích thân hoặc thông qua những người khác, qua điện thoại, thư từ hoặc phương tiện điện tử, ngoại trừ việc gửi thư hoặc tổng đạt xử lý văn kiện tòa án thông qua đương sự thứ ba hoặc liên hệ với luật sư của bị đơn.

do not knowingly enter, remain, or come within _____ (1,000 feet if no distance entered) of the protected person's residence, school, workplace, other: _____

không cố ý đi vào, ở lại hoặc đến trong phạm vi [-] (1,000 feet nếu không đi vào khoảng cách) nơi cư trú, trường học, nơi làm việc, nơi khác của người được bảo vệ:

other: _____
khác:

**3. Firearms, Weapons, and Concealed Pistol License; Defendant:
Súng, Vũ Khí và Giấy Phép Sử Dụng Súng Lọc Được Giấu Kín; Bị Đơn:**

do not, own, possess, or control a firearm. (RCW 9.41.040).
không, có, sở hữu hoặc kiểm soát súng. (RCW 9.41.040).

do not access, have in your custody or control, obtain, purchase, receive, attempt to purchase or receive, or possess a firearm, other dangerous weapon, or concealed pistol license. (RCW 9.41.800).

không tiếp cận, quản lý hoặc kiểm soát, có được, mua, nhận hoặc cố mua hay nhận súng, hoặc sở hữu súng, vũ khí nguy hiểm khác hay giấy phép sử dụng súng lọc được giấu kín của quý vị. (RCW 9.41.800).

immediately surrender all firearms and other dangerous weapons in your custody, control, or possession and any concealed pistol license to (*local law enforcement agency*) _____

giao nộp ngay lập tức tất cả các súng và vũ khí nguy hiểm khác đang được quý vị quản lý, kiểm soát hoặc sở hữu và bất kỳ giấy phép sử dụng súng lọc được giấu kín nào cho (*cơ quan thực thi pháp luật địa phương*)

comply with the **Order to Surrender and Prohibit Weapons** filed separately. (RCW 9.41.800).

*tuân thủ **Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí** được nộp riêng. (RCW 9.41.800).*

**4. This No-Contact Order Expires On:
Lệnh Cấm Tiếp Xúc Hết Hạn Vào:**

(*Date and time*) _____
(Ngày và giờ)

1 2 5 years from today's date.

[-] 1 [-] 2 [-] 5 năm kể từ ngày hôm nay.

The court may extend a no-contact order even if the defendant does not appear at arraignment.

Tòa án có thể gia hạn lệnh cấm tiếp xúc cho dù bị đơn không hiện diện tại phiên buộc tội.

This order replaces all prior no-contact orders protecting the same person issued under this cause number.

Lệnh này thay thế tất cả các lệnh cấm tiếp xúc trước đó để bảo vệ cùng một người được ban hành theo sổ vụ án này.

Warning: Violation of this order with actual notice of its terms is a criminal offense under chapter 7.105 RCW and will subject a violator to arrest; any assault, drive-by shooting, or reckless endangerment that is a violation of this order is a felony. **You can be arrested even if the person protected by this order invites or allows you to violate the order's prohibitions.** You have the sole responsibility to avoid or refrain from violating the order's provisions. Only the court can change the order upon written request.

Cảnh Báo: Sự vi phạm lệnh này với thông báo thực tế về các điều khoản của lệnh là hành vi phạm tội hình sự theo chương 7.105 RCW và người vi phạm sẽ bị bắt giữ; bất kỳ cuộc tấn công, nổ súng lái xe hay gây nguy hiểm liều lĩnh nào vi phạm lệnh này đều là trọng tội. Quý vị có thể bị bắt cho dù những người được bảo vệ theo lệnh này mời hoặc cho phép quý vị vi phạm các điều cấm của lệnh. Quý vị có trách nhiệm duy nhất là tránh hoặc cố gắng không vi phạm các điều khoản của lệnh. Chỉ tòa án mới có thể thay đổi lệnh theo yêu cầu bằng văn bản.

5. Based upon the record, both written and oral, the court finds that the defendant has been charged with, arrested for, or convicted of an offense of:
Căn cứ vào hồ sơ, cả bằng văn bản và bằng miệng, tòa án nhận thấy rằng bị đơn đã bị buộc tội, bị bắt hoặc bị kết án về một tội:

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> sex (ch. 9A.44 RCW)
<i>tình dục (ch. 9A.44 RCW)</i> | <input type="checkbox"/> human trafficking (ch. 9A.40 RCW)
<i>buôn người (ch. 9A.40 RCW)</i> |
| <input type="checkbox"/> stalking (ch. 9A.46 RCW)
<i>theo dõi (ch. 9A.46 RCW)</i> | <input type="checkbox"/> harassment (ch. 9A.46 RCW)
<i>quấy rối (ch. 9A.46 RCW)</i> |
| <input type="checkbox"/> promoting prostitution (ch.9A.88.RCW)
<i>cổ súy mại dâm (ch.9A.88.RCW)</i> | |

6. For crimes not defined as a serious offense, the court makes the following mandatory findings pursuant to RCW 9.41.800(1) and (2):
Đối với các tội phạm không được xác định là tội nghiêm trọng, tòa án đưa ra phán quyết bắt buộc sau đây căn cứ theo RCW 9.41.800(1) và (2):

- The defendant used, displayed, or threatened to use a firearm or other dangerous weapon in a felony;
Bị đơn đã sử dụng, phô bày hoặc đe dọa sử dụng súng hoặc vũ khí nguy hiểm khác trong trọng tội;
- The defendant is ineligible to possess a firearm pursuant to RCW 9.41.040;
Bị đơn không hội đủ điều kiện sở hữu súng căn cứ theo RCW 9.41.040;
- Possession of a firearm or other dangerous weapon by the defendant presents a serious and imminent threat to public health or safety, or to the health or safety of any individual;
Việc sở hữu súng hoặc vũ khí nguy hiểm khác của bị đơn gây ra mối đe dọa nghiêm trọng và sắp xảy ra đối với sức khỏe hoặc sự an toàn của cộng đồng, hay đối với sức khỏe hoặc sự an toàn của bất kỳ cá nhân nào;
- The defendant represents a credible threat to the physical safety of the protected person or this order explicitly prohibits the use, attempted use, or threatened use of physical force against the protected person, and the court issues this *No-Contact Order* to prevent possible recurrence of violence.

Bị đơn đại diện cho một mối đe dọa đáng tin đối với sự an toàn thể chất của người được bảo vệ hoặc lệnh này nghiêm cấm rõ ràng việc sử dụng, cố sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với người được bảo vệ và tòa án ban hành Lệnh Cấm Tiếp Xúc này để ngăn chặn khả năng tái diễn hành vi phạm tội.

Additional Warnings to Defendant: This order does not modify or terminate any order entered in any other case. You are still required to comply with other orders.

Cảnh Báo Bổ Sung Đối Với Bị Đơn: Lệnh này không sửa đổi hoặc chấm dứt bất kỳ lệnh nào được ban hành trong mọi vụ án khác. Quý vị vẫn còn phải tuân thủ các lệnh khác.

Pursuant to 18 U.S.C. § 2265, a court in any of the 50 states, the District of Columbia, Puerto Rico, any United States territory, and any tribal land within the United States shall accord full faith and credit to the order.

Căn cứ theo 18 U.S.C. § 2265, tòa án ở bất kỳ tiểu bang nào trong số 50 tiểu bang, District of Columbia, Puerto Rico, bất kỳ lãnh thổ nào của Hoa Kỳ và bất kỳ vùng đất bộ lạc nào trong Hoa Kỳ sẽ hoàn toàn tin tưởng và tin nhiệm vào lệnh này.

7. Civil Standby:

Khả Năng Dự Phòng Dân Sự:

Not needed.

Không cần thiết.

The appropriate law enforcement agency shall, at a reasonable time and for a reasonable duration, assist the defendant in obtaining personal belongings located at *Cơ quan thực thi pháp luật thích hợp sẽ, vào thời điểm và khoảng thời gian hợp lý, hỗ trợ bị đơn lấy đồ đạc cá nhân tại*

8. Further Service:

Tổng Đạt Thêm:

Not needed. Defendant was given a copy of this Order at the hearing.

Không cần thiết. Bị đơn đã được cung cấp một bản sao Lệnh này tại phiên xét xử.

Required. Defendant must be served with a copy of this Order.

Bắt buộc. Bị đơn phải được tổng đạt một bản sao Lệnh này.

Clerk's Action. The court clerk shall forward the *No Contact Order* on or before the next judicial day to the following law enforcement agency where the restrained person lives or can be served (**check only one**):

Việc Lọc Sự Làm. Lọc sự tòa án sẽ chuyển tiếp Lệnh Cấm Tiếp Xúc vào hoặc trước ngày xét xử tiếp theo đến cơ quan thực thi pháp luật sau đây nơi người bị ngăn cấm sống hoặc có thể được tổng đạt (**đánh dấu chỉ một mục**):

Sheriff's Office

Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng

Police Department (*county or city*) _____

Sở Cảnh Sát (quận hoặc thành phố)

This agency shall serve the *No-Contact Order* and shall promptly complete and return proof of service to this court.

Cơ quan này sẽ tổng đạt Lệnh Cấm Tiếp Xúc và phải nhanh chóng hoàn tất và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

9. **Washington Crime Information Center (WACIC) and Other Data Entry:
Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Washington (WACIC) và Nhập Dữ Liệu Khác**

Clerk's Action. The court clerk shall forward a copy of this order immediately to the following law enforcement agency (*county or city*) _____

(**check only one**): [] Sheriff's Office or [] Police Department

Việc Lục Sự Làm. Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp bản sao lệnh này ngay lập tức đến cơ quan thực thi pháp luật sau đây (quận hoặc thành phố)

(**đánh dấu chỉ một mục**): [-] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc [-] Sở Cảnh Sát

This agency shall enter this order into WACIC and National Crime Info. Center (NCIC). Cơ quan này sẽ nhập lệnh này vào WACIC và Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Quốc Gia (NCIC).

10. **Firearm Restoration Notification from Prosecutor:
Thông Báo Khôi Phục Súng từ Công Tố Viên:**

Notification order here does not impact law enforcement's obligation to notify under RCW 9.41.340.

Lệnh thông báo ở đây không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thông báo của cơ quan thực thi pháp luật theo RCW 9.41.340.

Notice to Protected Person is:

Thông Báo cho Người Được Bảo Vệ là:

[] **Required.** The protected person has requested notification from the prosecutor if a petition for the restoration of firearms is filed and of the court's decision.

Bắt buộc. Người được bảo vệ đã yêu cầu thông báo từ công tố viên nếu đơn xin khôi phục súng được nộp và quyết định của tòa án.

[] **Not required.** The protected person has opted out of notification from the prosecutor if a petition for the restoration of firearms is filed and of the court's decision.

Không bắt buộc. Người được bảo vệ đã quyết định từ chối nhận thông báo từ công tố viên nếu đơn xin khôi phục súng được nộp và quyết định của tòa án.

Dated: _____ Time: _____ a.m./p.m.

Đề ngày: _____ Giờ: _____ a.m./p.m.

**Judge/Pro Tem/Court Commissioner
Thẩm Phán/Thẩm Phán Tạm Thời/Ủy Viên**

I acknowledge receipt of a copy of this order:

Tôi thừa nhận việc nhận được bản sao lệnh này:

Defendant

Bị đơn

The protected person shall be provided with a certified copy of this order.

Người được bảo vệ sẽ được cung cấp một bản sao có chứng nhận của Lệnh này.

Protected Person. If you have requested notice about firearms, tell the prosecutor and law enforcement if your contact information changes.

Người Được Bảo Vệ. Nếu quý vị đã yêu cầu thông báo về súng, hãy báo với công tố viên và cơ quan thực thi pháp luật nếu thông tin liên hệ của quý vị thay đổi.

I am a certified or registered interpreter or found by the court to be qualified to interpret in the _____ language, which the defendant understands. I translated this order for the defendant from English into that language.

Tôi là một phiên dịch viên được chứng nhận hoặc đã đăng ký hay được tòa án xác nhận là có đủ trình độ chuyên môn để phiên dịch bằng [-] ngôn ngữ, mà bị đơn hiểu. Tôi đã dịch lệnh này cho bị đơn từ Tiếng Anh sang ngôn ngữ đó.

Signed on (date) _____ at (city) _____, (state) _____
Đã ký vào (ngày) _____ tại (thành phố) _____, (tiểu bang)

Interpreter: _____ Print name: _____
Phiên dịch viên: _____ Tên viết in: _____